

Đánh giá thực trạng và đề xuất khung chương trình bồi dưỡng về tuyên truyền chủ quyền biển đảo cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên trong bối cảnh truyền thông số

**Nguyễn Thị Bích Thủy, Tổng Trường Giang*, Hà Thị Huệ, Lê Quang Nhật,
Trần Thị Diệu Thu, Phạm Thị Huyền Trang, Trần Anh Tuấn, Lưu Thị Nhân, Bùi Thị Hậu**

*Học viện Chiến lược Khoa học và Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ, 115 Trần Duy Hưng,
phường Yên Hòa, Hà Nội, Việt Nam*

Ngày nhận bài 2/12/2025; ngày chuyển phản biện 3/12/2025;
ngày nhận phản biện 15/12/2025; ngày chấp nhận đăng 24/12/2025

Tóm tắt:

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ và những diễn biến phức tạp của tình hình địa chính trị trên Biển Đông, công tác tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển đảo đang đối mặt với những thách thức phi truyền thống, đòi hỏi sự đổi mới căn bản về phương thức và năng lực thực hiện. Nghiên cứu này tập trung đánh giá thực trạng năng lực và nhu cầu đào tạo của đội ngũ phóng viên, biên tập viên (PV, BTV) trong việc định hướng dư luận và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Thông qua phương pháp khảo sát xã hội học và phân tích dữ liệu thực chứng, kết quả nghiên cứu chỉ ra một khoảng trống đáng kể trong công tác bồi dưỡng hiện nay. Trong khi nhận thức chính trị của đội ngũ làm báo đạt mức cao, thì năng lực tác nghiệp trên nền tảng số và cơ hội tiếp cận các chương trình đào tạo chuyên sâu lại hạn chế. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất khung chương trình bồi dưỡng theo hướng tiếp cận năng lực, tích hợp giữa tri thức pháp lý quốc tế (UNCLOS 1982), tư duy phản biện và kỹ năng báo chí dữ liệu. Đồng thời, nghiên cứu kiến nghị các giải pháp chính sách nhằm kiến tạo hệ sinh thái dữ liệu số dùng chung, góp phần chuẩn hóa và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền chủ quyền quốc gia trong kỷ nguyên thông tin.

Từ khóa: bồi dưỡng, chủ quyền biển đảo, khung chương trình, truyền thông số.

Assessing the current situation and proposing a framework for the programme to foster and promulgate sea and island sovereignty for reporters and editors in the context of digital media

**Thi Bích Thủy Nguyen, Truong Giang Tong*, Thi Hue Ha, Quang Nhat Le,
Thi Dieu Thu Tran, Thi Huyen Trang Pham, Anh Tuan Tran, Thi Nhan Luu, Thi Hau Bui**

*Vietnam Institute of Science and Technology Strategy, Ministry of Science and Technology,
115 Tran Duy Hung Street, Yen Hoa Ward, Hanoi, Vietnam*

Received 2 December 2025; revised 15 December 2025; accepted 24 December 2025

*Tác giả liên hệ: Email: giangtong.vdca@gmail.com

Abstract:

Amidst the rapid digital transformation and complex geopolitical dynamics in the East Sea, the communication of sea and island sovereignty is confronting non-traditional challenges that require a fundamental renewal of methods and capabilities. This study evaluates the current status of competencies and the training needs of reporters and editors in guiding public opinion and protecting ideological foundations. Based on sociological surveys and empirical data analysis, the findings indicate a significant gap in current professional development. Although the political awareness of the press corps is high, their digital proficiency and access to specialised training programmes are limited. Accordingly, the study proposes a competency-based training framework that integrates international legal knowledge (UNCLOS 1982), critical thinking, and data journalism skills. Furthermore, the research offers policy solutions to build a shared digital data ecosystem, contributing to the standardisation and enhanced efficiency of national sovereignty communication in the information age.

Keywords: digital communication, fostering, program framework, sovereignty of the sea and islands.

1. Đặt vấn đề

Biển, đảo Việt Nam là bộ phận lãnh thổ thiêng liêng, không thể tách rời của Tổ quốc, đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng - an ninh [1]. Tuy nhiên, trong bối cảnh địa chính trị hiện nay, tình hình Biển Đông tiếp tục diễn biến phức tạp với sự cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn và các hành vi vi phạm luật pháp quốc tế ngày càng tinh vi [2]. Đặc biệt, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số đã mở rộng không gian đấu tranh bảo vệ chủ quyền từ thực địa sang không gian mạng, đặt ra thách thức lớn về việc bảo vệ chủ quyền số quốc gia [3].

Trong bối cảnh đó, các văn bản như Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên; Quyết định số 930/QĐ-TTg và Quyết định số 729/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đều xác định đội ngũ PV, BTV là lực lượng nòng cốt, giữ vai trò tiên phong trong việc định hướng dư luận và phản bác các luận điệu xuyên tạc [4]. Mặc dù vậy, các thế lực thù địch đang triệt để lợi dụng internet và mạng xã hội làm công cụ lan truyền tin giả, quan điểm sai trái hòng chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng [5]. Điều này đòi hỏi người làm báo không chỉ vững vàng về bản lĩnh chính trị mà còn phải thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh mới.

Thực tiễn cho thấy, công tác tuyên truyền biển đảo hiện nay đang đứng trước áp lực chuyển đổi số mạnh mẽ. Xu hướng báo chí thế giới năm 2025 đang chuyển dịch sang báo chí dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để nâng cao hiệu quả thông tin [6, 7]. Tuy nhiên, các chương trình đào tạo hiện có cho PV, BTV về biển đảo thường thiếu vắng các nội dung về kỹ năng số và công nghệ hiện đại, chưa có một khung chương trình chuẩn hóa cấp quốc gia [8]. Nếu không kịp thời lấp đầy khoảng trống này, báo chí chính thống sẽ gặp khó khăn trong việc cạnh tranh thông tin và giữ vững trận địa tư tưởng.

Xuất phát từ những yêu cầu cấp bách trên, nhóm tác giả tiến hành đánh giá thực trạng về năng lực của đội ngũ PV, BTV, từ đó đề xuất khung chương trình bồi dưỡng tuyên truyền chủ quyền biển đảo cho đội ngũ PV, BTV trong bối cảnh truyền thông số. Kết quả của nghiên cứu sẽ đóng góp cơ sở khoa học để các đơn vị đào tạo tham khảo trong việc thiết kế chương trình và phát triển học liệu số, nhằm hỗ trợ đội ngũ người làm báo “hoạt động” hiệu quả trên cả không gian thực và không gian mạng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Phương pháp luận

Nghiên cứu hệ thống hóa các văn bản chỉ đạo của Đảng, chính sách của Nhà nước và các quy định pháp luật quốc tế để xác định khung pháp lý, yêu cầu chính trị và chuẩn mực nội dung đối với công tác tuyên truyền biển đảo; thu thập dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo khoa học, tạp chí chuyên ngành và dữ liệu sơ cấp từ phiếu điều tra xã hội học để có dẫn chứng định lượng cụ thể; tham vấn ý kiến chuyên gia, nhà quản lý báo chí thông qua hội thảo khoa học để đánh giá cấu trúc chương trình và phương pháp giảng dạy.

2.1.2. Thiết kế khảo sát và mẫu nghiên cứu

Khảo sát được thực hiện trên đối tượng là đội ngũ PV, BTV, cán bộ làm công tác truyền thông đang công tác tại các cơ quan báo chí, truyền thông và các đơn vị sự nghiệp công lập trên phạm vi cả nước, tập trung vào các học viên, cựu học viên tại Trường Đào tạo, Bồi dưỡng quản lý thông tin và truyền thông (trước hợp nhất).

Khảo sát thực hiện với cỡ mẫu $N=156$ phiếu, số phiếu thu về hợp lệ là 156 phiếu, đảm bảo độ tin cậy của mẫu, các mẫu được thu thập theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Thời gian khảo sát vào tháng 04/2025. Thời gian khảo sát đảm bảo tính mới trong nghiên cứu, đồng thời là cơ sở để đề xuất các khuyến nghị từ thực trạng và nhận thức.

Dữ liệu thu về từ phiếu khảo sát đã được xử lý và tổng hợp (bảng 1), cho thấy các đặc điểm nổi bật về nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu như sau:

Bảng 1. Cơ cấu nhân khẩu học của đối tượng khảo sát.

Tiêu chí	Phân loại	Tỷ lệ (%) (N=156)
Giới tính	Nam	70,8
	Nữ	29,2
Độ tuổi	21-30	20,8
	30-50	71,3
	>50	7,9
Trình độ	Cao đẳng	8,3
	Đại học	77,1
	Sau đại học	14,6
Lý luận chính trị	Sơ cấp	73,5
	Trung cấp	23,5
	Cao cấp	3,0

Nguồn: Nhóm tác giả.

Kết quả phân tích cho thấy, mặc dù đối tượng khảo sát có nền tảng trình độ chuyên môn tốt (77,1% Đại học), nhưng lại tồn tại sự thiếu hụt đáng kể về trình độ lý luận chính trị (chỉ 3% có trình độ cao cấp) và sự chênh lệch lớn về giới tính. Những đặc điểm này đặt ra yêu cầu chương trình bồi dưỡng cần được thiết kế không chỉ tập trung vào kiến thức chuyên môn mà còn phải chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị và kỹ năng tác nghiệp phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể.

2.2. Thực trạng nhận thức và năng lực chuyên môn của các phóng viên, biên tập viên hiện nay

Dữ liệu khảo sát cho thấy, một ưu điểm nổi bật của đội ngũ PV, BTV là sự vững vàng trong nhận thức chính trị về các vấn đề liên quan đến biển đảo. Cụ thể, tỷ lệ nhân sự tự đánh giá mức độ hiểu biết “Rất tốt” về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đối với tuyên truyền chủ quyền biển đảo đạt 81,3% (bảng 2). Kết quả này phản ánh hiệu quả của công tác quán triệt tư tưởng và phổ biến chính sách tại các cơ quan báo chí, truyền thông trong thời gian qua. Đội ngũ người làm báo thể hiện sự nắm bắt chắc chắn các định hướng chiến lược, đảm bảo tính chính thống và nhất quán trong việc truyền tải thông điệp về bảo vệ chủ quyền quốc gia. Đây là nền tảng quan trọng để duy trì sự ổn định thông tin và định hướng dư luận xã hội đúng đắn.

Bảng 2. Thống kê mức độ hiểu biết của đội ngũ phóng viên, biên tập viên về các lĩnh vực liên quan đến biển đảo.

STT	Nội dung kiến thức	Rất tốt	Khá	Trung bình	Kém
1	Đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước	81,3	14,6	4,1	0,0
2	Đặc điểm tự nhiên biển đảo	75,0	14,6	8,3	2,1
3	Vai trò với an ninh - quốc phòng	75,0	22,9	1,1	1,0
4	Vai trò với phát triển kinh tế đất nước	68,5	27,1	4,1	0,3
5	Vai trò của cơ quan báo chí, truyền thông	60,4	33,3	6,3	0,0

Đơn vị: %, Nguồn: Nhóm tác giả.

Tuy nhiên, khi so sánh tương quan giữa nhận thức chính trị và nhận thức về nghiệp vụ chuyên biệt, số liệu cho thấy sự chênh lệch đáng lưu ý (bảng 2). Trong khi nhận thức về đường lối đạt mức cao, thì tỷ lệ nhân sự tự đánh giá hiểu biết “Rất tốt” về vai trò của các cơ quan báo chí, truyền thông trong tuyên truyền chủ quyền biển đảo lại thấp hơn, đạt 60,4%. Đây là chỉ số thấp nhất trong 5 nhóm nội dung được khảo sát. Sự khác biệt này gợi mở rằng, mặc dù đội ngũ PV, BTV nắm vững nội dung cần tuyên truyền, nhưng nhận thức về phương thức và vị thế của báo chí như một công cụ tác động đặc thù trong công tác này vẫn còn dư địa để cải thiện. Điều này đặt ra yêu cầu cần tăng cường bồi dưỡng về kỹ năng và tư duy nghiệp vụ báo chí hiện đại, giúp người làm báo chuyển hóa hiệu quả các văn bản chính trị thành các sản phẩm truyền thông có sức thuyết phục cao.

Về cấu trúc tri thức chuyên ngành, kết quả khảo sát chỉ ra sự phân bố mức độ quan tâm chưa đồng đều giữa các khía cạnh của vấn đề biển đảo. Tỷ lệ hiểu biết “Rất tốt” về vai trò của biển đảo đối với an ninh - quốc phòng đạt 75%, trong khi tỷ lệ này đối với vai trò phát triển kinh tế đất nước là 68,5%. Mặc dù cả hai chỉ số đều ở mức khả quan, nhưng sự chênh lệch này phản ánh xu hướng tập trung nhiều hơn vào khía cạnh an ninh, chủ quyền lãnh thổ theo cách tiếp cận truyền thống. Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 (Nghị quyết số 36-NQ/TW), việc nâng cao nhận thức chuyên sâu về kinh tế biển (như kinh tế hàng hải, du lịch, năng lượng tái tạo) cho đội ngũ phóng viên là cần thiết để đảm bảo tính toàn diện trong nội dung tuyên truyền.

2.3. Thực trạng công tác đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ phóng viên, biên tập viên hiện nay

2.3.1. Tổng quan các chương trình bồi dưỡng hiện hành

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Quyết định số 930/QĐ-TTg (2018) và gần đây nhất là Quyết định số 729/QĐ-TTg (2022) của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030, công tác bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ PV, BTV đã được đẩy mạnh trên diện rộng. Dựa trên việc hệ thống hóa các văn bản chỉ đạo và khảo sát thực tiễn tổ chức đào tạo, nghiên cứu phân loại các chương trình hiện hành thành 2 mô hình chính với những đặc điểm như sau:

Thứ nhất là mô hình tập huấn theo chuyên đề của cơ quan quản lý nhà nước. Đây là hình thức phổ biến trong hệ thống bồi dưỡng hiện nay, thường do Bộ Thông tin và Truyền thông (trước hợp nhất) phối hợp với Ban Tuyên giáo các cấp hoặc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng tổ chức. Trọng tâm là quán triệt Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, cập nhật tình hình an ninh Biển Đông, và phổ biến các chứng cứ pháp lý về chủ quyền (quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa). Mô hình này có tính chính thống cao, giúp đội ngũ người làm báo nắm vững sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quan điểm của Đảng, đảm bảo an toàn chính trị trong thông tin. Theo

mục tiêu của Quyết định số 729/QĐ-TTg, phần đầu 100% PV, BTV được tập huấn cập nhật kiến thức hàng năm [9]. Tuy nhiên, phương pháp đào tạo chủ yếu vẫn là thông tin một chiều (báo cáo viên thuyết trình), nặng về lý thuyết chính trị - lịch sử mà thiếu vắng các học phần thực hành kỹ năng báo chí hiện đại.

Thứ hai là hoạt động đào tạo nội bộ và thực tế tại các cơ quan báo chí. Các tòa soạn lớn thường tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn hoặc cử phóng viên tham gia các chuyến đi thực tế ra quần đảo Trường Sa, nhà giàn DK1 thông qua các chương trình phối hợp với Quân chủng Hải quân [10]. Mặc dù bám sát thực tiễn tác nghiệp, nhưng hình thức này phụ thuộc lớn vào nguồn lực tài chính của từng tòa soạn và thiếu cơ chế chia sẻ dữ liệu, học liệu dùng chung giữa các cơ quan báo chí. Điều này dẫn đến sự chênh lệch về năng lực tuyên truyền giữa các báo trung ương và báo địa phương.

Các chương trình bồi dưỡng hiện hành đã hoàn thành tốt sứ mệnh xây dựng nền tảng vững chắc về bản lĩnh chính trị và nhận thức pháp lý cho người làm báo. Tuy nhiên, sự mất cân đối giữa tỷ lệ lý luận và thực hành, cùng với hệ thống dữ liệu giữa các cơ quan báo chí không đồng đều đang tạo ra những khoảng trống đáng kể về năng lực tác nghiệp. Trong kỷ nguyên số, khi tin giả lan truyền với tốc độ rất nhanh, việc thiếu hụt các kỹ năng công nghệ và một cơ chế chia sẻ học liệu chuẩn hóa đang là rào cản khiến báo chí chính thống gặp khó khăn trong việc giành thế chủ động trên mặt trận thông tin.

2.3.2. Đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ hiện nay

Trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”, công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ PV, BTV được xác định là khâu đột phá để xây dựng thế trận lòng dân vững chắc trên mặt trận thông tin. Nhìn nhận một cách khách quan, trong giai đoạn từ năm 2016 đến nay, đặc biệt sau khi có Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, công tác này đã có những bước chuyển biến đáng ghi nhận về cả quy mô tổ chức lẫn định hướng nội dung. Tuy nhiên, đối chiếu với yêu cầu ngày càng cao của cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền trong kỷ nguyên số và thực tiễn tác nghiệp báo chí hiện đại, công tác đào tạo, bồi dưỡng hiện nay đang bộc lộ những khoảng trống mang tính hệ thống cần được nhận diện và khắc phục.

Về quy mô đào tạo, kết quả khảo sát cho thấy có tới 52,1% PV, BTV được hỏi cho biết họ chưa từng tham gia bất kỳ lớp bồi dưỡng chuyên sâu nào về tuyên truyền biển đảo (bảng 3). Trong khi cả nước hiện có hơn 800 cơ quan báo chí với hàng chục nghìn nhân sự được cấp thẻ nhà báo, các lớp tập huấn hàng năm thường chỉ đáp ứng được quy mô 60-100 học viên/lớp và tập trung chủ yếu ở các cơ quan báo chí chủ lực hoặc địa phương ven biển. Sự thiếu hụt cơ hội tiếp cận đào tạo chính quy này dẫn đến tình trạng một bộ phận lớn phóng viên phải tự mày mò, tác nghiệp dựa trên kinh nghiệm cá nhân, thiếu sự thống nhất về phương pháp luận và dễ gặp rủi ro khi xử lý các thông tin nhạy cảm liên quan đến chủ quyền quốc gia và quan hệ quốc tế.

Bảng 3. Thực trạng và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tuyên truyền biển đảo của đội ngũ phóng viên, biên tập viên.

STT	Nội dung khảo sát	Phương án trả lời	Tỷ lệ (%) (N=156)
1	Tỷ lệ tham gia các lớp bồi dưỡng	Đã từng tham gia	47,9
		Chưa từng tham gia	52,1
		Lồng ghép trong các chương trình khác	62,5
2	Hình thức tổ chức mong muốn	Xây dựng chương trình độc lập, chuyên sâu	37,5
3	Thời lượng khoá học mong muốn	Ngắn hạn (3-5 ngày)	62,5
		Trung hạn (7-10 ngày)	29,2
		Dài hạn (15-20 ngày)	8,3
4	Yếu tố ưu tiên cần bổ sung nhất	Kiến thức	58,3
		Kỹ năng	27,1
		Thái độ	14,6

Nguồn: Nhóm tác giả.

Bên cạnh đó, nội dung và phương pháp đào tạo mặc dù đã có sự đổi mới nhưng chương trình bồi dưỡng hiện tại vẫn còn nặng về lý thuyết một chiều. Các chuyên đề thường tập trung nhiều vào việc phổ biến văn bản, nghị quyết, cập nhật tình hình Biển Đông dưới góc độ chính trị - an ninh, nhưng lại thiếu vắng các nội dung về kỹ năng tác nghiệp thực chiến trong môi trường truyền thông số. Số liệu khảo sát chỉ ra rằng chuyên đề “Phát triển năng lực cho PV, BTV” được đánh giá là “Rất cần thiết” với tỷ lệ đạt 84,62%, cao hơn cả nhu cầu về kiến thức lý luận. Việc thiếu hụt các học phần về công nghệ khiến cho nội dung tuyên truyền dù đúng định hướng nhưng đôi khi còn khô cứng, thiếu sức hấp dẫn và chậm chân hơn so với tốc độ lan truyền của mạng xã hội.

Hình thức tổ chức đào tạo cũng đang đặt ra bài toán về tính hiệu quả và sự phù hợp. 62,5% PV, BTV mong muốn các khóa bồi dưỡng ngắn hạn (3-5 ngày). Mong muốn này xuất phát từ áp lực công việc chuyên môn tại tòa soạn, khiến họ khó tham gia các khóa học dài ngày. Tuy nhiên, với quỹ thời gian ngắn, rất khó để truyền tải sâu sắc khối lượng kiến thức đồ sộ về Luật biển quốc tế (UNCLOS 1982), lịch sử xác lập chủ quyền, cũng như rèn luyện kỹ năng công nghệ phức tạp. Đa phần các lớp tập huấn ngắn hạn hiện nay mới chỉ dừng lại ở mức độ cung cấp thông tin bề nổi mà chưa đủ thời lượng để đi sâu vào phân tích tình huống hay thực hành xử lý khủng hoảng truyền thông giả định. Hơn nữa, hoạt động trải nghiệm thực tế tại các vùng biên, đảo tiền tiêu - yếu tố quan trọng để nuôi dưỡng cảm xúc và tư liệu thực tiễn cho nhà báo vẫn chưa được lồng ghép phổ biến trong các chương trình đào tạo đại trà do hạn chế về kinh phí và điều kiện đảm bảo an ninh.

2.4. Một số yếu tố tác động đến hiệu quả tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Hiệu quả của công tác tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo không phải là một biến số độc lập mà là kết quả của sự tương tác biện chứng giữa nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Dựa trên kết quả khảo sát (bảng 4), nghiên cứu xác định và phân

tích 05 nhóm yếu tố cốt lõi tác động trực tiếp đến chất lượng và sức lan tỏa của thông tin, bao gồm: (1) Con người; (2) Thể chế; (3) Cơ sở vật chất - kỹ thuật; (4) Môi trường xã hội; (5) Văn hóa. Mức độ ảnh hưởng của từng nhóm yếu tố được định lượng cụ thể tại bảng 4:

Bảng 4. Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhóm yếu tố đến hiệu quả tuyên truyền (Đơn vị: %).

STT	Nhóm yếu tố	Mức độ ảnh hưởng	
		“Rất nhiều”	“Tương đối nhiều”
1	Con người (năng lực, bản lĩnh, đạo đức nghề nghiệp)	38-39	9-10
2	Văn hoá (truyền thống, bản sắc, lòng yêu nước)	30	15
3	Xã hội (dư luận, mạng xã hội, cộng đồng)	30	17
4	Thể chế (cơ chế, chính sách, pháp luật)	28-30	
5	Vật chất (hạ tầng, công nghệ, kinh phí)	26-27	15

Nguồn: Nhóm tác giả.

Nhóm yếu tố “Con người” giữ vai trò quyết định hàng đầu với tỷ lệ đánh giá mức độ ảnh hưởng cao nhất (38-39%). Trong mọi quy trình truyền thông, dù công nghệ phát triển đến đâu, đội ngũ PV, BTV vẫn là chủ thể sáng tạo, là người gác cổng thẩm định thông tin trước khi đến với công chúng. Năng lực của đội ngũ PV, BTV được cấu thành từ ba nội dung: Bản lĩnh chính trị để giữ vững định hướng; kiến thức pháp lý - lịch sử để đảm bảo tính chính xác; kỹ năng nghiệp vụ để tạo nên sự hấp dẫn. Đặc biệt, trong bối cảnh tin giả và các luận điệu xuyên tạc gia tăng, phẩm chất đạo đức và bản lĩnh của người làm báo trở thành lá chắn quan trọng nhất để bảo vệ sự thật và lợi ích quốc gia.

Các yếu tố “Văn hóa” và “Xã hội” có mức độ ảnh hưởng tương đồng nhau, lần lượt ở mức 30% cho đánh giá “Rất nhiều”. Văn hóa, truyền thống yêu nước và ý thức tự tôn dân tộc là nguồn lực nội sinh mạnh mẽ giúp các tác phẩm báo chí về biển đảo dễ dàng đi vào lòng người và khơi dậy sự đồng thuận xã hội. Bên cạnh đó, xã hội và môi trường dư luận cùng sự tương tác trên không gian mạng đang tạo ra áp lực hai chiều đối với người làm báo. Một mặt, sự ủng hộ của cộng đồng là động lực, mặt khác, tình trạng quá tải thông tin từ mạng xã hội đòi hỏi phóng viên phải có kỹ năng lắng nghe và xử lý khủng hoảng truyền thông nhạy bén để định hướng dư luận kịp thời.

Yếu tố “Thể chế” chiếm khoảng 29% ý kiến đánh giá ảnh hưởng ở mức “Rất nhiều” và một tỷ lệ lớn đánh giá ở mức “Tương đối nhiều”. Điều này phản ánh tầm quan trọng của hành lang pháp lý và cơ chế phối hợp trong công tác tuyên truyền. Thực tế cho thấy, hiệu quả tuyên truyền phụ thuộc lớn vào sự thống nhất trong chỉ đạo và tốc độ cung cấp thông tin từ các cơ quan chức năng (Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng) cho báo chí. Một cơ chế phối hợp lỏng lẻo hoặc quy trình duyệt tin rườm rà có thể làm mất đi thời điểm vàng trong đấu tranh dư luận, khiến báo chí chính thống đi sau mạng xã hội trong các sự kiện nóng trên biển.

Các yếu tố “Vật chất” và “Công nghệ” tuy có tỷ lệ đánh giá “Rất nhiều” thấp nhất (26,5%) trong 5 nhóm, nhưng lại là điều kiện cần không thể thiếu trong kỷ nguyên số. Sự hạn chế về hạ tầng viễn thông tại các vùng biển đảo xa xôi hay sự thiếu hụt các công cụ sản xuất nội dung đa phương tiện (Flycam, camera 360, phần mềm đồ họa dữ liệu)

sẽ làm giảm đáng kể sức cạnh tranh của tác phẩm báo chí. Trong bối cảnh chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, việc đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật là yêu cầu bắt buộc để hiện đại hóa phương thức tuyên truyền, đưa hình ảnh biển đảo Việt Nam ra thế giới một cách trực quan và hiệu quả.

Như vậy, các số liệu phân tích cho thấy, muốn nâng cao hiệu quả tuyên truyền chủ quyền biển đảo, không thể chỉ tác động đơn lẻ vào một yếu tố. Cần có một giải pháp tổng thể, lấy xây dựng yếu tố con người làm trung tâm, củng cố yếu tố thể chế làm bệ đỡ, tăng cường đầu tư vật chất - công nghệ làm đòn bẩy và khai thác hiệu quả các giá trị văn hóa - xã hội làm nền tảng. Đây chính là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất khung chương trình bồi dưỡng và các nhóm giải pháp kiến nghị.

3. Đề xuất khung chương trình bồi dưỡng và một số kiến nghị

3.1. Nguyên tắc, yêu cầu và tiêu chuẩn xây dựng chương trình khung bồi dưỡng về tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển đảo cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên

3.1.1. Nguyên tắc, yêu cầu

Quá trình xây dựng chương trình khung bồi dưỡng đã tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc cốt lõi sau đây để đảm bảo tính định hướng và hiệu quả: pháp lý; mục tiêu và bám sát các định hướng; khoa học; cân đối; khả thi; đảm bảo tính giáo dục; đảm bảo tính phát triển.

Bên cạnh việc tuân thủ các nguyên tắc nêu trên, việc xây dựng chương trình cần đáp ứng các yêu cầu khắt khe về tính hệ thống và đổi mới phương pháp bồi dưỡng. Nội dung chương trình cần đảm bảo tính vừa sức, tạo sự thống nhất biện chứng giữa lý luận và thực tiễn, đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa thực hành và củng cố kiến thức. Quan trọng hơn, chương trình được thiết kế để phát huy tối đa tính tự giác, tích cực và độc lập của người học, từ đó tạo động cơ học tập đúng đắn và điều kiện thuận lợi cho học viên tham gia tích cực vào quá trình bồi dưỡng.

3.1.2. Các tiêu chí lựa chọn chương trình khung

- (1) Là yêu cầu thiết thực với người học;
- (2) Có tác dụng góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu đào tạo nói chung và các môn học nói riêng về các mặt kiến thức, kỹ năng, tình cảm, thái độ;
- (3) Cần thiết đối với người học, có tần số xuất hiện và sử dụng cao trong đời sống cộng đồng;
- (4) Có căn cứ khoa học, có giá trị, cơ bản và cập nhật;
- (5) Đi sâu vào những nội dung cơ bản thiết thực hơn là trải rộng;
- (6) Phù hợp với trình độ và năng lực, kinh nghiệm và vốn sống, cũng như đặc điểm của người học;
- (7) Có tác dụng phát triển năng lực sáng tạo, giúp người học giải quyết được những vấn đề mới nảy sinh trong học tập và trong thực tiễn đời sống;
- (8) Hướng tới đáp ứng những đòi hỏi, nhu cầu cần thiết cho vị trí việc làm.

3.2. Khung chương trình bồi dưỡng chuyên biệt về tuyên truyền chủ quyền biển đảo

Trên cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực trạng nhận thức, năng lực của đội ngũ PV, BTV đã được phân tích ở các phần trước, nghiên cứu đề xuất khung chương trình bồi dưỡng chuyên biệt về tuyên truyền chủ quyền biển đảo (bảng 5). Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ, chương trình không chỉ dừng lại ở việc cập nhật các văn bản, chỉ thị hay kiến thức lịch sử, mà trọng tâm phải là rèn luyện kỹ năng xử lý thông tin và sáng tạo tác phẩm. Quan điểm tiếp cận xuyên suốt là lấy người học làm trung tâm, giảm tải các nội dung lý thuyết hàn lâm để tăng cường thời lượng cho thực hành, thảo luận tình huống và tương tác thực tế.

Bảng 5. Chi tiết khung chương trình bồi dưỡng chuyên biệt về tuyên truyền chủ quyền biển đảo.

STT	Nội dung chuyên đề	Tổng số tiết	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)
1	Đường lối, chính sách pháp luật bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam hiện nay - Quan điểm, chủ trương của Đảng về bảo vệ chủ quyền biển đảo. - Tổng quan pháp luật, chính sách của Nhà nước về bảo vệ chủ quyền biển đảo.	12	08	04
2	Vai trò của biển đảo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của Việt Nam - Khái quát các vùng biển, đảo Việt Nam. - Chiến lược phát triển bền vững, đa ngành kinh tế biển nước ta. - Vai trò của biển, đảo đối với quốc phòng - an ninh bảo vệ Tổ quốc.	08	04	04
3	Hợp tác quốc tế về bảo vệ chủ quyền biển đảo - Lý luận và thực tiễn hợp tác quốc tế về bảo vệ chủ quyền. - Cơ hội, thách thức của Việt Nam khi hợp tác quốc tế về bảo vệ chủ quyền biển đảo.	04	02	02
4	Bảng chứng lịch sử, pháp lý và các xu hướng quốc tế ảnh hưởng đến chủ quyền biển đảo của nước ta - Quy định pháp luật quốc tế về các vùng biển. - Chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - Một số vấn đề, quan niệm dễ hiểu lầm liên quan đến vùng biển và quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam.	08	04	04
5	Phát triển năng lực cho PV, BTV trong công tác tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển đảo - Vai trò, trách nhiệm của PV, BTV và cơ quan báo chí. - Kỹ năng sáng tạo sản phẩm truyền thông tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển đảo.	08	04	04
6	Viết thu hoạch	-	-	-
Tổng cộng		40	22	18

Nguồn: Nhóm tác giả.

Tổng thời lượng dự kiến của khóa bồi dưỡng là 40 tiết (tương đương 05 ngày làm việc), với tỷ lệ 22 tiết lý thuyết (55%), 18 tiết thực hành (45%). Cấu trúc chương trình được chia thành 3 khối kiến thức chính: nền tảng, chuyên sâu và nghiệp vụ số. Cơ sở khoa học của việc phân chia tỷ lệ này dựa trên mô hình năng lực ASK (Attitude - Skill - Knowledge) và nguyên tắc học tập qua trải nghiệm của David Kolb. Khác với đào tạo kỹ thuật thuần túy, báo chí tuyên truyền chủ quyền biển đảo mang tính đặc thù cao về chính trị và pháp lý. Tỷ lệ 55% lý thuyết là cần thiết và bắt buộc để đảm bảo người học thấm thấu sâu sắc các kiến thức nền tảng về Luật biển quốc tế (UNCLOS 1982) và chủ trương của Đảng, tạo ra hàng rào an toàn về tư tưởng trước khi tác nghiệp. Trong khi đó, 45% thời lượng thực hành được thiết kế để chuyển hóa tri thức thành kỹ năng số, giúp học viên áp dụng ngay kiến thức vào việc sáng tạo sản phẩm đa phương tiện, đảm bảo nguyên tắc học đi đôi với hành và đáp ứng yêu cầu thực chiến trong bối cảnh truyền thông số. Cụ thể:

Để đảm bảo khung chương trình bồi dưỡng đi vào chiều sâu và mang tính ứng dụng cao, nội dung của từng chuyên đề được triển khai chi tiết, bám sát các yêu cầu thực tiễn về lý luận chính trị, phát triển kinh tế và đấu tranh pháp lý:

Đối với nhóm kiến thức nền tảng, chuyên đề 1 tập trung vào hệ thống hóa quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ chủ quyền biển đảo. Nội dung chuyên đề này không chỉ cung cấp tổng quan các văn bản pháp luật hiện hành, mà còn đi sâu vào các định hướng, nhiệm vụ cụ thể trong công tác bảo vệ chủ quyền, giúp học viên nắm vững cơ sở chính trị để định hướng thông tin. Chuyên đề 2 sẽ làm rõ vai trò của biển đảo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng. Các nội dung trọng tâm bao gồm khái quát vị trí địa lý của Biển Đông, các tiềm năng biển của Việt Nam và chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển xanh. Đặc biệt, chuyên đề này nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng - an ninh, khẳng định vị thế chiến lược của biển trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Đối với nhóm kiến thức chuyên sâu và hội nhập, chuyên đề 3 giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn trong hợp tác quốc tế về bảo vệ chủ quyền. Nội dung sẽ phân tích các xu thế, cơ hội và thách thức của Việt Nam khi tham gia hợp tác quốc tế, đồng thời làm rõ quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước trong việc giải quyết tranh chấp thông qua các biện pháp hòa bình và đối thoại. Chuyên đề 4 tập trung cung cấp các minh chứng lịch sử, pháp lý và phân tích xu hướng quốc tế ảnh hưởng đến chủ quyền nước ta. Học viên sẽ được trang bị kiến thức chi tiết về các vùng biển theo quy định của luật pháp quốc tế và UNCLOS 1982. Chuyên đề này cũng hệ thống hóa cơ sở pháp lý và tư liệu cô, khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, đồng thời nhận diện và phản bác các luận điệu sai trái, các quan niệm dễ gây hiểu lầm liên quan đến tranh chấp trên Biển Đông hiện nay.

Đối với nhóm kỹ năng nghiệp vụ, chuyên đề 5 tập trung phát triển năng lực thực tiễn cho PV, BTV trong công tác tuyên truyền. Nội dung chuyên đề xác định rõ vai trò, trách nhiệm xã hội của cơ quan báo chí và người làm báo trong việc tạo ra các sản phẩm truyền thông phù hợp với đường lối của Đảng. Trọng tâm là rèn luyện kỹ năng

sáng tạo nội dung nhằm khơi dậy lòng yêu nước, kỹ năng lồng ghép thông tin biển đảo vào các hoạt động kinh tế - xã hội, và đặc biệt là kỹ năng đấu tranh, ngăn chặn các luận điệu xuyên tạc về chủ quyền quốc gia để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

3.3. Một số giải pháp và khuyến nghị

Việc xây dựng khung chương trình bồi dưỡng mới chỉ là bước khởi đầu. Để đưa khung chương trình này vào thực tiễn và phát huy hiệu quả tối đa, cần có sự đồng bộ về cơ chế, chính sách và sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan. Nghiên cứu đề xuất các nhóm giải pháp và khuyến nghị cụ thể như sau:

3.3.1. Đối với cơ quan quản lý nhà nước

Thứ nhất, cần thiết lập cơ chế cung cấp thông tin nguồn nhanh chóng và chính thống. Trong bối cảnh mạng xã hội lan truyền tin giả với tốc độ chóng mặt, các cơ quan quản lý cần xây dựng một kênh thông tin trực tuyến dành riêng cho đội ngũ PV, BTV chuyên trách. Kênh này sẽ đóng vai trò cung cấp thông tin định hướng, các dữ liệu pháp lý chuẩn xác và cảnh báo sớm về các luồng thông tin xấu độc ngay khi có sự kiện nóng xảy ra trên biển, giúp báo chí giành lại thế chủ động trên mặt trận thông tin.

Thứ hai, cần xây dựng và chia sẻ kho dữ liệu số dùng chung về biển đảo. Thực tế cho thấy, nhiều cơ quan báo chí gặp khó khăn trong việc tìm kiếm tư liệu hình ảnh, video chất lượng cao hoặc các bản đồ pháp lý chuẩn xác. Cơ quan quản lý nên chủ trì xây dựng một ngân hàng dữ liệu số quốc gia về biển đảo, bao gồm: hệ thống bản đồ số, tư liệu lịch sử đã được số hóa, hình ảnh/video về các lực lượng thực thi pháp luật. Kho dữ liệu này cần được mở quyền truy cập cho các cơ quan báo chí để sử dụng làm nguyên liệu sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện, giảm thiểu sai sót về thông tin và hình ảnh.

Thứ ba, cần có chính sách đặt hàng và hỗ trợ kinh phí đặc thù. Tuyên truyền biển đảo là nhiệm vụ chính trị quan trọng nhưng đòi hỏi kinh phí lớn (đi lại, trang thiết bị, công nghệ). Nhà nước cần có cơ chế đặt hàng cụ thể đối với các tuyến bài Megastory, E-magazine hoặc các dự án truyền thông số sáng tạo về chủ quyền biển đảo, tạo động lực để các tòa soạn và phóng viên đầu tư công sức, trí tuệ.

3.3.2. Đối với các cơ quan báo chí

Về chiến lược nhân sự, các tòa soạn cần quy hoạch và chuyên biệt hóa đội ngũ phóng viên biển đảo. Thay vì sử dụng phóng viên theo dõi chung, cần xây dựng các nhóm phóng viên nòng cốt am hiểu sâu về luật pháp quốc tế và kỹ năng số để chuyên trách mảng đề tài này. Đây sẽ là đối tượng ưu tiên được cử tham gia các khóa bồi dưỡng nâng cao theo khung chương trình đã đề xuất.

Về hạ tầng kỹ thuật, cần đầu tư đồng bộ công nghệ làm báo hiện đại. Kiến thức và kỹ năng sau đào tạo của phóng viên sẽ không thể phát huy nếu thiếu công cụ hỗ trợ. Các tòa soạn cần trang bị hệ thống CMS hiện đại, các phần mềm biên tập video, đồ họa, xử lý dữ liệu... để phóng viên có thể thực hành sáng tạo tác phẩm ngay trong quá trình tác nghiệp.

Về hoạt động thực tiễn, cần chủ động tăng cường các chuyến đi thực tế. Các cơ quan báo chí cần phối hợp chặt chẽ với các đơn vị quân đội, địa phương ven biển để tổ chức các chuyến công tác cho phóng viên ra các điểm đảo, nhà giàn. Những chuyến đi này chính là giảng đường thực tế hiệu quả nhất, giúp bổ sung vốn sống và cảm xúc cho người làm báo.

3.3.3. Đối với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng

Về đội ngũ giảng viên, không nên chỉ giới hạn là các giảng viên cơ hữu trong trường, mà cần mời các chuyên gia từ lực lượng cảnh sát biển, hải quân, kiểm ngư và các nhà báo kỳ cựu có kinh nghiệm tác nghiệp tại các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa tham gia giảng dạy. Sự kết hợp giữa kiến thức hàn lâm của giảng viên trường và kinh nghiệm thực chiến của chuyên gia khách mời sẽ mang lại chất lượng đào tạo tốt nhất.

Về phương thức đào tạo, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong giảng dạy. Đối với nội dung về biển đảo, việc hình dung không gian địa lý là rất quan trọng. Các cơ sở đào tạo nên nghiên cứu ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) hoặc thực tế tăng cường (AR) để tái hiện không gian các điểm đảo, cột mốc chủ quyền ngay tại lớp học. Điều này đặc biệt hữu ích trong điều kiện kinh phí hạn hẹp, không thể tổ chức cho tất cả học viên đi thực tế dài ngày.

Đồng thời, cần thiết lập hệ thống đánh giá sau đào tạo. Việc đánh giá không chỉ dừng lại ở bài thu hoạch cuối khóa, mà cần theo dõi hiệu quả ứng dụng kiến thức của học viên sau khi trở về đơn vị (thông qua số lượng, chất lượng tác phẩm về biển đảo được đăng tải). Phản hồi từ thực tiễn làm nghề sẽ là cơ sở quan trọng để các cơ sở đào tạo liên tục cập nhật, điều chỉnh khung chương trình cho phù hợp với sự vận động không ngừng của tình hình thực tế và công nghệ báo chí.

4. Kết luận

Trong bối cảnh địa chính trị phức tạp và sự trỗi dậy của các hình thái chiến tranh thông tin trên không gian mạng, vai trò của nhà báo không chỉ giới hạn ở chức năng thông tin thuần túy mà đã trở thành những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng - văn hóa. Kết quả nghiên cứu từ đề tài đã góp phần chỉ ra sự bất cân xứng giữa nhận thức chính trị và năng lực thực hành, đặc biệt là sự thiếu hụt các công cụ tác nghiệp số hiện đại trong hoạt động tuyên truyền về chủ quyền biển đảo của đội ngũ PV, BTV. Việc chuẩn hóa khung chương trình bồi dưỡng theo hướng thực tiễn hóa và số hóa là yêu cầu cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Để khung chương trình phát huy hiệu quả, cần có sự kiến tạo đồng bộ từ mô hình tam giác phát triển: (1) Cơ quan quản lý nhà nước đóng vai trò kiến tạo hành lang pháp lý và hạ tầng dữ liệu; (2) Cơ quan báo chí đóng vai trò quy hoạch và sử dụng nhân lực tinh nhuệ; (3) Cơ sở đào tạo đóng vai trò đổi mới phương pháp luận giảng dạy. Đầu tư chiều sâu cho nguồn nhân lực báo chí chính là phương thức tối ưu để xác lập và bảo vệ chủ quyền quốc gia từ sớm, từ xa trên mặt trận thông tin.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học và công nghệ “Nghiên cứu, xây dựng khung chương trình và học liệu số về nội dung tuyên truyền về chủ quyền biển đảo cho đối tượng phóng viên, biên tập viên” do Trường Đào tạo, Bồi dưỡng Cán bộ Khoa học và Công nghệ, Học viện Chiến lược Khoa học và Công nghệ thực hiện. Các tác giả xin chân thành cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Central Committee of The Communist Party of Vietnam (2018), *Resolution No. 36-NQ/TW on The Strategy for Sustainable Development of Vietnam's Marine Economy to 2030, with A Vision to 2045* (in Vietnamese).

[2] The Communist Party of Vietnam (2021), *Documents of The 13th National Congress*, National Political Publishing House (in Vietnamese).

[3] B. Tran (2024), *Vietnam Strengthens Cyber Capabilities for Political Stability, National Defence, and Socio-economic Development*, ISEAS - Yusof Ishak Institute, https://www.iseas.edu.sg/wp-content/uploads/2024/09/ISEAS_Perspective_2024_78.pdf, accessed 3 October 2024.

[4] Prime Minister (2018), *Decision No. 930/QĐ-TTg Approving The Scheme on Public Communication for Sovereignty Protection and Sustainable Development of Vietnam's Seas and Islands for The 2018-2020 Period* (in Vietnamese).

[5] L.T. Lam (2025), “Some solutions to fight and refute wrong and hostile arguments on the internet today”, *Political and Development Journal*, <https://chinhttrivaphattrien.vn/giai-phap-bao-dam-an-toan-an-ninh-mang-tai-viet-nam-hien-nay-a9463.html>, accessed 29 March 2025 (in Vietnamese).

[6] Nhan Dan Newspaper (2025), “Trends in journalism, media and technology in 2025”, <https://nhandan.vn/special/xu-huong-bao-chi-2025/index.html>, accessed 24 June 2025 (in Vietnamese).

[7] T. Quyen (2025), “Data journalism: An inevitable direction in the digital age”, *Thai Nguyen Newspaper*, <https://baothainguyen.vn/xa-hoi/202506/bao-chi-du-lieu-huong-di-tat-yeu-trong-thoi-dai-so-hoa-47f0251/>, accessed 21 June 2025 (in Vietnamese).

[8] Prime Minister (2022), *Decision No. 729/QĐ-TTg Approving The Communication Programme on Seas and Oceans to 2030* (in Vietnamese).

[9] T. Nam (2024), “Training and dissemination of legal policies on maritime and island sovereignty”, *People's Army Newspaper*, <https://www.qdnd.vn/phap-luat/pho-bien-giao-duc-phap-luat/tap-huan-pho-bien-chinh-sach-phap-luat-ve-chu-quyen-bien-dao-799895>, accessed 23 October 2024 (in Vietnamese).

[10] Today Magazine (2025), “The press delegation visited Truong Sa on the occasion of the 100th anniversary of Vietnam's revolutionary press”, <https://ngaynay.vn/doan-cong-tac-bao-chi-tham-truong-sa-nhan-ky-niem-100-nam-bao-chi-cach-mang-viet-nam-post160258.html>, accessed 22 May 2025 (in Vietnamese).